



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01695

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : BIOVIVE LIQUID
Số lượng/ khối lượng : 2.304 chai/ 1.089,8 lít
Ngày sản xuất : 2/2025
Hãng, nước sản xuất : EasyPro Pond Products, Inc, U.S.A
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 02/2025/ASP-EPP ngày 07/2/2025
Hóa đơn số : CI250319 ngày 11/02/2025
Vận đơn số : AEH70704
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 2100/HQ-GDK-TTKN ngày 01/4/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250033893)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH LIÊN KẾT ASP
Địa chỉ: 158/31 đường TCH 05, phường Tân Chánh Hiệp,
Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 194 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 21 tháng 4 năm 2025



Lê Văn Yên



BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)

Doanh nghiệp/ ngày mã hoá	Mã mẫu	Quy chuẩn áp dụng	Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích		Ghi chú
			Tên sản phẩm	Chỉ tiêu phân tích	
Công ty TNHH Liên Kết ASP 12/4/2025	0425135/HQV2	Mục 2.2 bảng 2 QCVN 02 - 31 - 2:2019/BNNP TNT	BIOVIVE LIQUID	Hg (mg/kg) Cd (mg/kg) Pb (mg/kg) Aflatoxin B1(µg/kg) E. coli (CFU/g) Salmonella (CFU/25g)	BNNPTNT292 50033893

Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Nguyễn Thế Linh

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm

Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...)	Phòng thí nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Nguyễn Thế Linh	Trung tâm Vùng II	15h30 ngày 12/4/2025	ASTAC	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3863/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 10422504476

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 14/04/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 14/04/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0425135/HQV2	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1)	KPH	TCVN 9126:2011
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	1,51	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 17/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.